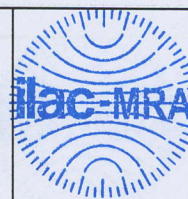




CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



Số: 21/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	91M ₁ 01/15	Nhà máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	22/06/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	92M ₁ 01/15	Cục Thống kê Tỉnh			22/06/2015 8g30-8g45	
3	92M ₂ 01/15	110 Nguyễn Huệ		Nguyễn Thị Cầm Tú	22/06/2015 9g00-9g15	
4	92M ₃ 01/15	Khu tái định cư Ninh tĩnh			22/06/2015 9g30-9g45	Nguyễn Thị Cầm Tú
5	93B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			22/06/2015 8g00-8g15	

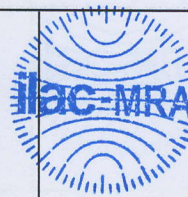
II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				91M ₁ 01/15	92M ₁ 01/15	92M ₂ 01/15	92M ₃ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.06	6.98	7.15	7.16
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.30	0.23	0.30	0.24
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.9	15.74	17.5	17.5
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.04	46.13	47.54	47.04
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	4.20	KPH	KPH
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.30	5.30	5.30	6.10
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.40	7.40	8.40	8.30
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	0.02
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.32	0.45	0.39
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	0.44



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				93B01/15			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.00			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.30			
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.72			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	48.16			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3.80			
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	6.60			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.50			
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH			
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH			

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 29 tháng 06 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa nghiệm



KS. Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân